

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024

V/v: “Ly hôn, t/c nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1 - Ông Bùi Ngọc Nam

2 - Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Khánh Linh - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, Tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, t/c nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – Sinh năm 1988

2. Bị đơn: Ông Lê Trọng Đ – Sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2024 cũng như qua khai báo, nguyên đơn chị Lê Thị T, trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Trọng Đ vào năm 2013 là do tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, ảnh hưởng đến các con, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và không còn tình cảm với nhau nữa, nay chị xét thấy, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích

của hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 04/11/2016 và cháu Lê Nhã A, sinh ngày 09/3/2018. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lê Trọng Đ trình bày: Về hôn nhân, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã, xô xát, không tôn trọng nhau, chị T xin ly hôn anh không có ý kiến gì, đó là quan điểm của chị T, anh không đồng thuận nhưng cũng không phản đối, anh đề nghị Hội đồng xét xử quyết định; Về con chung anh công nhận vợ chồng có hai con chung là các cháu Lê Nhã U, sinh ngày 04/11/2016, và cháu Lê Nhã A, sinh ngày 09/3/2018. Ly hôn anh Đ ý giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp tiền nuôi con chung, vì hiện tại anh chưa có việc làm và thu nhập ổn định, không đảm bảo được cuộc sống của các cháu, khi nào anh có công việc thu nhập ổn định anh sẽ làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Về tài sản, nếu vợ chồng không thỏa thuận được, anh sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn là đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự và đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Chị Lê Thị T khởi kiện anh Lê Trọng Đ là loại án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Anh Đ có đăng ký tạm trú tại phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn và được tòa án thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn Anh Lê Trọng Đ đã được thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến tòa án làm việc vào các ngày 31/01 và 05/ 3 năm 2024, thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có lý do của việc vắng mặt, và tiến hành ra thông báo công khai chứng cứ và hòa giải để làm việc vào ngày

26/3/2024 và đã tiến hành giao thông báo này đến các đương sự, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của anh Đ thuộc trường hợp cố tình trốn tránh. Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao hợp lệ quyết định xét xử cho các đương sự, tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn anh Lê Trọng Đ có mặt nhưng nguyên đơn chị Lê Thị T vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa; Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa lần thứ hai.

**[2]. Về tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn:**

Chị Lê Thị T và anh Lê Trọng Đ kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, vào tháng 11/2013. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả hai bên anh chị đều đủ tuổi kết hôn, không vi phạm điều 8 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy hôn nhân giữa chị T và anh Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã, xô xát lẫn nhau, không tôn trọng nhau. Ngày 21/3/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp của anh chị, cán bộ thôn và chính quyền địa phương cũng đã xác định mâu thuẫn giữa anh chị địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị có cơ hội đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Đ có mặt và thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn xô xát, cãi vã, không tôn trọng nhau, chị T xin ly hôn anh không có ý kiến gì, anh có thái độ bỏ mặc, không níu kéo hôn nhân, Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Tình cảm giữa hai anh chị thực sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 luật HNGĐ.

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 04/11/2016, và cháu Lê Nhã A, sinh ngày 09/3/2018. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ cũng đồng ý giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp tiền nuôi con chung, vì hiện tại anh chưa có việc làm và thu nhập ổn định, không đảm bảo được cuộc sống của các cháu, khi nào anh có công việc thu nhập ổn định anh sẽ làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Xét thấy đề nghị của anh, chị là phù hợp, hiện tại chị đang có việc làm, nơi ở, sức khỏe, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng chăm sóc các cháu trưởng thành, nên

chấp nhận yêu cầu về người nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con, của chị T, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

**Về tài sản, công nợ:** Chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

**[3]. Về án phí:** Chị T thuộc trường hợp phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng DS và điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326 về án phí lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí toà án.

- **Về hôn nhân.** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Trọng Đ.

- **Về con chung:** Cháu Lê Nhã U và cháu Lê Nhã A, là con chung của anh Đ và chị T. Giao cả hai cháu Lê Nhã U và Lê Nhã A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên; Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đ được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị T phải nộp 300 000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai kí hiệu: BLTU/23 số 0004765, ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sầm Sơn (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T và anh Đ;

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

#### Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường B;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Thị Phong**